

Số: /QĐ - SXD

Bắc Kạn, ngày tháng 9 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Công bố chỉ số giá xây dựng từ tháng 01 đến tháng 6, quý I và quý II năm 2019**

### GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn,

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xây dựng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố tập chỉ số giá xây dựng từ tháng 01 đến tháng 6, quý I và quý II năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định này.

Tập chỉ số giá xây dựng này là cơ sở để xác định, điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng, giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

*Gửi bản giấy:*

- Các Chủ đầu tư;
- Lưu: VT, KTXD.

*Gửi bản điện tử:*

- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Trang TTĐT Sở XD;
- GD, các PGD Sở.

**GIÁM ĐỐC**

**Lèng Văn Chiến**

# QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỈ SỐ GIÁ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ - SXD ngày /9/2019  
của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn)

1. Chỉ số giá xây dựng là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng theo thời gian. Các chỉ số giá xây dựng trong tập Chỉ số giá xây dựng được xác định theo nhóm công trình thuộc 4 loại công trình xây dựng (công trình xây dựng dân dụng, công trình giao thông, công trình thuỷ lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và bao gồm các loại chỉ số sau:

- Chỉ số giá xây dựng công trình;
- Chỉ số giá phần xây dựng;
- Chỉ số giá vật liệu, nhân công, máy thi công;
- Chỉ số giá vật liệu xây dựng.

2. Các từ ngữ trong tập Chỉ số giá xây dựng được hiểu như sau:

*Chỉ số giá xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng công trình theo thời gian.

*Chỉ số giá phần xây dựng* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí xây dựng của công trình theo thời gian.

*Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí vật liệu xây dựng trong chi phí trực tiếp của cơ cấu dự toán theo thời gian.

*Chỉ số giá nhân công xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí nhân công trong chi phí trực tiếp của cơ cấu dự toán theo thời gian.

*Chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình* là chỉ tiêu phản ánh mức độ biến động chi phí máy thi công xây dựng trong chi phí trực tiếp của cơ cấu dự toán theo thời gian.

*Thời điểm gốc* là thời điểm được chọn làm gốc để so sánh. Các cơ cấu chi phí xây dựng được xác định tại thời điểm này.

*Thời điểm so sánh* là thời điểm cần xác định các chỉ số giá so với thời điểm gốc hoặc so với thời điểm so sánh khác.

3. Chỉ số giá xây dựng công trình tại các bảng “*Chỉ số giá xây dựng công trình*” đã tính toán đến sự biến động của các chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và một số khoản mục chi phí khác của chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Các chỉ số giá xây dựng công trình này chưa xét đến sự biến động của chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư (nếu có), chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và bảo vệ môi trường (nếu có), chi phí thuê tư vấn nước ngoài

(nếu có), chi phí rà bom mìn và vật nổ, lãi vay trong thời gian xây dựng (đối với các dự án có sử dụng vốn vay), vốn lưu động ban đầu (đối với các dự án sản xuất, kinh doanh).

Đối với công trình giáo dục, chỉ số giá xây dựng chưa xét đến biến động của các chi phí thiết bị phục vụ công tác giáo dục.

Đối với nhóm công trình trụ sở cơ quan, văn phòng chỉ số giá xây dựng chưa xét đến biến động các chi phí thiết bị trang bị phục vụ công tác văn phòng.

Đối với công trình y tế, chỉ số giá xây dựng chưa xét đến biến động của các chi phí thiết bị chuyên ngành y tế.

Khi sử dụng các chỉ số giá xây dựng công trình làm cơ sở để xác định tổng mức đầu tư thì cần căn cứ vào tính chất đặc điểm và yêu cầu cụ thể của dự án để tính bổ sung các khoản mục chi phí cho phù hợp.

Chỉ số giá phần xây dựng của công trình tại các bảng “*Chỉ số giá phần xây dựng*” đã tính đến sự biến động của chi phí trực tiếp (chi phí vật liệu, nhân công và chi phí máy thi công xây dựng) và các khoản mục chi phí còn lại trong chi phí xây dựng (chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, chi phí chịu thuế tính trước thuế giá trị gia tăng).

Trường hợp những công trình có xử lý nền móng đặc biệt, hoặc có kết cấu đặc biệt thì khi vận dụng chỉ số giá phần xây dựng vào việc tính toán cần có sự điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Chỉ số giá vật liệu xây dựng công trình, chỉ số giá nhân công xây dựng công trình và chỉ số giá máy thi công xây dựng công trình tại các bảng “*Chỉ số giá vật liệu, nhân công, máy thi công*” đã tính đến sự biến động chi phí vật liệu xây dựng, chi phí nhân công xây dựng và chi phí máy thi công xây dựng trong chi phí trực tiếp.

Chỉ số giá của một số loại vật liệu xây dựng chủ yếu tại bảng “*Chỉ số giá vật liệu xây dựng chủ yếu*” phản ánh mức biến động giá vật liệu xây dựng chủ yếu từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2019 so với giá vật liệu xây dựng chủ yếu năm 2018. Giá vật liệu khảo sát từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2019 được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá trên địa bàn tỉnh, là giá trung bình đến hiện trường công trình.

4. Các chỉ số giá xây dựng từ tháng 01 đến tháng 6, quý I và quý II năm 2019 đã được tính toán, điều chỉnh chi phí nhân công theo Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

5. Các chỉ số giá xây dựng nêu tại Tập chỉ số giá xây dựng này được xác định theo phương pháp thống kê, tính toán từ các số liệu theo các thiết kế mẫu được ban hành tại Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và ban hành các tập hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình cho công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày

08/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hồ sơ thiết kế mẫu, thiết kế điển hình một số công trình hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và thực tế thu thập của các dự án đầu tư xây dựng công trình đã và đang xây dựng ở trong tỉnh. Các công trình lựa chọn để tính toán là các công trình xây dựng mới, có tính năng phục vụ phù hợp với phân loại công trình, được xây dựng theo quy trình công nghệ thi công phổ biến, sử dụng các loại vật liệu xây dựng thông dụng hiện có trên thị trường.

Các chỉ số giá xây dựng này được xác định trên cơ sở cơ cấu tỷ trọng các khoản mục chi phí xây dựng của công trình tại thời điểm năm 2018 (gọi tắt là cơ cấu chi phí năm 2018). Giá xây dựng công trình tính tại năm 2018 được lấy làm gốc (được quy định là 100%) và giá của các thời kỳ khác được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với giá thời kỳ gốc.

6. Đối với các công trình chưa có trong danh mục chỉ số giá xây dựng do Sở Xây dựng công bố và công trình xây dựng theo tuyến đi qua địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND./.

